

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 – 39



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Bùi Ngọc Loan	Thành viên
Ông Trần Công Thành	Thành viên
Ông Lương Ngọc Bảo	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Dương Minh Châu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Thành	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Giang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

57
HC
TH
H
382
VG
PH
ẬN V
THL
A-T

Số: 18.119/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2018 từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

358
TY
N
T
ƯNG
P. H. P.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

K.T. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		441.616.839.487	395.663.400.470
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	18.422.641.625	27.812.447.308
1. Tiền	111		13.910.650.674	17.812.447.308
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.511.990.951	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	9.525.000.000	9.525.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		9.525.000.000	9.525.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		413.506.735.172	358.325.953.162
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	115.281.511.648	60.630.924.731
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	25.111.404.230	25.708.652.925
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		500.000.000	150.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	274.178.753.434	273.092.823.902
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.564.934.140)	(1.256.448.396)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		162.462.690	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	162.462.690	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		225.907.710.045	74.993.287.495
I. Tài sản cố định	220		56.873.989.907	61.302.833.984
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	55.476.358.426	59.691.357.043
Nguyên giá	222		102.694.059.967	99.075.340.856
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.217.701.541)	(39.383.983.813)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.397.631.481	1.611.476.941
Nguyên giá	228		3.398.338.786	3.398.338.786
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.000.707.305)	(1.786.861.845)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		69.339.000	1.291.746.660
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		69.339.000	1.291.746.660
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	168.818.200.000	12.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		12.000.000.000	12.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		150.780.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.038.200.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		146.181.138	398.706.851
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		146.181.138	398.706.851
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		667.524.549.532	470.656.687.965

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		516.394.005.678	337.448.069.887
I. Nợ ngắn hạn	310		444.222.327.385	265.360.684.843
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	121.077.788.739	104.774.157.863
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		652.068.635	521.266.644
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	7.511.097.666	2.542.856.277
4. Phải trả người lao động	314		1.495.596	189.607.054
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.028.900.225	1.072.726.027
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.11	4.024.604.637	22.104.170.832
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.12	308.926.371.887	134.155.900.146
II. Nợ dài hạn	330		72.171.678.293	72.087.385.044
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.12	435.408.000	672.912.000
2. Trái phiếu chuyển đổi	339	4.13	71.736.270.293	71.414.473.044
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151.130.543.854	133.208.618.078
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	151.130.543.854	133.208.618.078
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.852.900.000	85.852.900.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		85.852.900.000	85.852.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.379.300.000	2.379.300.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		585.526.956	585.526.956
4. Cổ phiếu quỹ	415		(817.208.082)	(817.208.082)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.400.293.842	9.400.293.842
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		9.000.000.000	8.000.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.729.731.138	27.807.805.362
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		17.176.358.458	14.874.758.073
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.553.372.680	12.933.047.289
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		667.524.549.532	470.656.687.965



Nguyễn Xuân Giang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	572.078.848.515	464.833.325.813
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		572.078.848.515	464.833.325.813
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	554.065.820.163	417.701.486.637
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.013.028.352	47.131.839.176
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	70.085.778.184	11.893.945.401
6. Chi phí tài chính	22	5.4	23.566.078.763	11.468.363.355
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		22.912.476.203	9.938.098.342
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	29.483.644.417	23.363.381.603
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.049.083.356	24.194.039.619
9. Thu nhập khác	31		334.515.323	694.631.139
10. Chi phí khác	32		199.457.594	7.572.900
11. Lợi nhuận khác	40		135.057.729	687.058.239
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.184.141.085	24.881.097.858
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	7.058.546.638	2.981.843.312
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.125.594.447	21.899.254.546



Nguyễn Xuân Giang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập biểu

36
DN
TN
JAP
EVI
EPI

3136
ĐNG
Ổ P
HẬN
ĐI T
ĐA-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.184.141.085	24.881.097.858
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.6	8.047.563.188	7.812.453.649
Các khoản dự phòng	03		324.149.277	(173.323.346)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.4	22.658.551	496.033.140
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(69.098.601.488)	(10.431.870.493)
Chi phí lãi vay	06	5.4	22.912.476.203	9.938.098.342
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(2.607.613.184)	32.522.489.150
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		50.118.852.712	(16.264.361.158)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(725.946.943)	(668.808.667)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		252.525.713	438.762.818
Tiền lãi vay đã trả	14		(21.831.185.803)	(8.865.372.315)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.251.013.924)	(3.462.914.063)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.858.777.783)	(5.255.618.893)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.096.840.788	(1.555.823.128)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(602.197.363)	(4.237.748.127)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	109.090.908
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(198.274.200.000)	(86.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.425.757.279	10.140.961.403
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(195.450.640.084)	(79.987.695.816)

TỶ
I
TƯ
N
30

2018
TỶ
I
N
VẬN T
LƯƠNG
TP. H

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	585.526.956
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	619.931.308.905	416.266.480.009
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(445.398.341.164)	(297.378.703.252)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(8.547.596.150)	(17.042.073.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		165.985.371.591	102.431.229.863
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50		(9.368.427.705)	20.887.710.919
Tiền và tương đương tiền cuối năm	60		27.812.447.308	6.922.778.784
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(21.377.978)	1.957.605
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	18.422.641.625	27.812.447.308



Nguyễn Xuân Giang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 07 năm 2015.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009 Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất là 85.852.900.000 VND. Đây cũng là vốn thực góp của các nhà đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vinafreight	Việt Nam	19.800.000.000	23,06	19.800.000.000	23,06
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam (Vinatrans)	Việt Nam	9.000.000.000	10,48	9.000.000.000	10,48
Các đối tượng khác		57.052.900.000	66,45	57.052.900.000	66,45
Cộng		85.852.900.000	100,00	85.852.900.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 272 nhân viên (31/12/2016: 281 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Giao nhận, tiếp vận.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
 - + Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
 - + Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
 - + Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
 - + Đại lý tàu biển;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
 - + Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: môi giới hàng hải;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
 - + Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu;
 - + Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Cảng Mipeç	Bán đảo Đỉnh Vù - Khu KT Đỉnh Vù Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	30%	30%	30%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2017 là chi nhánh Hải Phòng, địa chỉ tại số 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế

Lãi suất thực tế (hay còn gọi là lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền đối với các khoản mục được ghi nhận theo giá trị hiện tại, giá trị phân bổ, giá trị thu hồi được xác định theo lãi suất ngân hàng thương mại.

Lý do lựa chọn lãi suất thực tế: lãi suất thực tế được dùng để chiết khấu dòng tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trong tương lai về hiện tại nhằm xác định giá trị của trái phiếu và giá trị quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu khi đáo hạn.

23
01
TI
04
VI
PI

20
3 T
HÀ
I VÃ
HƯC
-TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.5. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm là khoản tiền gửi có kỳ hạn các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

72
H
NA
30
TÀI
HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có).

3.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
▪ Khác	04 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 02 phố Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội trong 20 năm; quyền sử dụng diện tích đất tại Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng trong 50 năm và quyền sử dụng lâu dài diện tích đất tại Số 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Trái phiếu chuyển đổi

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi được xác định là khoản chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành. Lãi suất sử dụng để chiết khấu dòng tiền là 8,7% được đánh giá là đáng tin cậy.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư

Doanh thu từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản.

01/01
KHI
01/01

01/01
ĐĂNG
KÝ
NHẬN
MÃ
ĐA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận chuyển quốc tế: 0%;
- Phí dịch vụ chứng từ và các dịch vụ khác: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

23/12
CÔNG TY
GIAO NHẬN
VẬN TÀI
TP.H

2017
CÔNG TY
GIAO NHẬN
VẬN TÀI
TP.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	2.080.068.312	5.341.019.171
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.830.582.362	12.471.428.137
Các khoản tương đương tiền	4.511.990.951	10.000.000.000
Cộng	18.422.641.625	27.812.447.308

Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 5%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

99
T
H
A
T
N
G

T
A
I
G
T
A
I
N
G
T
A
I
N
G

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Cổ phiếu Công ty CP Logistics Vinalink	6.900.000.000	9.908.584.000	-	6.900.000.000	12.638.500.000	-
Cổ phiếu Công ty CP Vinafreight	2.625.000.000	9.625.000.000	-	2.625.000.000	9.065.000.000	-
Cộng	9.525.000.000	19.533.584.000	-	9.525.000.000	21.703.500.000	-

(*) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Logistics Vinalink và Công ty CP Vinafreight trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành – Xem thêm mục 1.5	12.000.000.000	(**)	-	12.000.000.000	(**)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2017
VND

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Công ty Cổ phần Cảng Mipec	150.780.000.000	(**)	-	-	(**)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long	2.260.000.000 3.778.200.000	(**) (**)	- -	- -	(**) (**)	- -
Cộng	6.038.200.000	-	-	-	-	-

(**)*Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.*

(Xem tiếp trang sau)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu của khách hàng:		
Trinity Logistics (H.K.) Co., Ltd.	30.245.545.527	-
Các khách hàng khác	85.032.498.753	60.625.421.526
Phải thu khách hàng là bên liên quan – Xem thêm mục 7	3.467.368	5.503.205
Cộng	115.281.511.648	60.630.924.731

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán:		
Regional Container Lines Public Company	4.532.293.172	4.702.113.566
Các nhà cung cấp khác	1.475.838.894	994.430.829
Trả trước cho người bán là bên liên quan – Xem thêm mục 7	19.103.272.164	20.012.108.530
Cộng	25.111.404.230	25.708.652.925

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Cảng Mipec cho Công ty TNHH MTV đầu tư SCIC	138.250.000.000	-	-	-
Phải thu do trả hộ bà Nguyễn Thị Thanh Hương mua cổ phần Công ty CP Cảng Mipec	50.786.000.000	-	-	-
Ký quỹ (*)	71.000.000.000	-	16.000.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	11.184.555.803	-	13.968.787.405	-
Đặt cọc mua cổ phần	-	-	240.000.000.000	-
Phải thu khác	1.922.878.657	-	2.596.399.145	-
Tạm ứng cho bên liên quan – Xem thêm mục 7	1.035.318.974	-	527.637.352	-
Cộng	274.178.753.434	-	273.092.823.902	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(*) Trong đó Chi tiết các khoản ký quỹ như sau:

- Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Sở giao dịch 1 để bảo lãnh phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Công ty Mitsui Wharf với số tiền 20.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.13.
- Ký quỹ cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội với số tiền 10.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.12.
- Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân với số tiền 37.000.000.000 VND để bảo lãnh thanh toán phát hành trái phiếu thường – Xem thêm mục 4.12
- Ký quỹ cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Duyên Hải với số tiền 3.100.000.000 VND – Xem thêm mục 4.12.
- Khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hải Phòng để mua xăng dầu phục vụ hoạt động kinh doanh với số tiền 900.000.000 VND.

(Xem tiếp trang sau)

138
ÔNG
T
T
TOÁ
H.V.
P

138
NG T
PHÂN
ẬN VẬN
THƯỜNG
A-TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	Trên 3 năm	1.115.620.730	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	1.057.869.961	608.556.551	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	218.124.094	77.296.428	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Cộng	2.173.490.691	608.556.551		1.333.744.824	77.296.428	

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2017	50.103.788.241	8.638.992.273	38.951.707.255	581.483.087	799.370.000	99.075.340.856
Mua trong kỳ	-	1.263.470.909	-	170.249.090	-	1.433.719.999
Tăng chi phí lãi vay vốn hóa theo biên bản thanh tra Thuế	2.134.685.198	50.313.914	-	-	-	2.184.999.112
Tại ngày 31/12/2017	52.238.473.439	9.952.777.096	38.951.707.255	751.732.177	799.370.000	102.694.059.967
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2017	8.434.762.692	3.608.571.051	26.260.131.486	569.806.671	510.711.913	39.383.983.813
Khấu hao trong năm	2.853.854.724	941.179.153	3.814.868.362	23.972.985	199.842.504	7.833.717.728
Tại ngày 31/12/2017	11.288.617.416	4.549.750.204	30.074.999.848	593.779.656	710.554.417	47.217.701.541
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2017	41.669.025.549	5.030.421.222	12.691.575.769	11.676.416	288.658.087	59.691.357.043
Tại ngày 31/12/2017	40.949.856.023	5.403.026.892	8.876.707.407	157.952.521	88.815.583	55.476.358.426

Giá trị còn lại của Phương tiện vận tải với số tiền là 1.060.077.758 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.12.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 16.650.828.756 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2017	2.642.410.677	755.928.109	3.398.338.786
Tại ngày 31/12/2017	2.642.410.677	755.928.109	3.398.338.786
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2017	1.291.701.558	495.160.287	1.786.861.845
Khấu hao trong năm	124.852.140	88.993.320	213.845.460
Tại ngày 31/12/2017	1.416.553.698	584.153.607	2.000.707.305
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2017	1.350.709.119	260.767.822	1.611.476.941
Tại ngày 31/12/2017	1.225.856.979	171.774.502	1.397.631.481

Giá trị còn lại của Quyền sử dụng đất với số tiền là 738.260.838 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.12.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 373.128.109 VND.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
Regional Container Lines Public Co.,	41.438.862.639	41.438.862.639	37.506.165.375	37.506.165.375
Văn phòng bán vé Hãng hàng không Korean Air tại TP. Hà Nội	18.436.559.574	18.436.559.574	7.406.040.895	7.406.040.895
Phải trả cho các đối tượng khác	55.348.183.880	55.344.716.511	48.638.365.027	48.638.365.027
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	5.854.182.646	5.837.747.279	11.223.586.566	11.223.586.566
Cộng	121.077.788.739	121.077.788.739	104.774.157.863	104.774.157.863

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2017		Trong năm		Tại ngày 01/01/2017	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	162.462.690	138.815.019	16.508.714.078	17.408.260.352	-	875.898.603
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.233.211.092	7.058.546.638	1.251.013.924	-	425.678.378
Thuế thu nhập cá nhân	-	487.618.682	3.914.386.494	3.620.659.780	-	193.891.968
Các loại thuế khác	-	651.452.873	12.144.552.607	12.540.487.062	-	1.047.387.328
Cộng	162.462.690	7.511.097.666	39.626.199.817	34.820.421.118	-	2.542.856.277

(Xem tiếp trang sau)

526
G T
PHẢI
N VẬN
CHỮC
-TP-

51
N N
N N
VIE
N N

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả khác ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Nhận tiền đặt cọc mua cổ phần Công ty CP Cảng Mipec	-	17.000.000.000
Nhận tiền đặt cọc thuê Container lạnh	3.944.713.877	4.991.020.572
Các khoản phải trả, phải nộp khác	79.890.760	113.150.260
Cộng	4.024.604.637	22.104.170.832

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Vay**

	Tại ngày 31/12/2017		Trong năm		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	228.926.371.887	228.926.371.887	539.931.308.905	445.160.837.164	134.155.900.146	134.155.900.146
Trái phiếu thường	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	-	-	-
Vay dài hạn	435.408.000	435.408.000	-	237.504.000	672.912.000	672.912.000
Cộng	309.361.779.887	309.361.779.887	619.931.308.905	445.398.341.164	134.828.812.146	134.828.812.146

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản vay được chi tiết như sau:

Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thanh Xuân
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt – CN Hải Phòng
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - CN Nam Hà Nội
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – CN Duyên Hải
Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển TP Hồ Chí Minh - CN Hải Phòng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – CN Hải Phòng
Trái phiếu thường

Cộng**Vay dài hạn**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – CN Hải Phòng

Tổng cộng

	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất (năm)	Tại ngày	Tại ngày
				31/12/2017	01/01/2017
				VND	VND
	VND	50.000.000.000	7,5%	87.699.166.745	42.879.877.864 (a)
	VND	60.000.000.000	7,5% - 9,6%	54.351.683.278	29.932.007.417 (b)
	VND		8,5% - 9%	39.000.000.000	39.000.000.000 (e)
	VND	50.000.000.000	8%	24.518.475.400	22.106.510.865 (d)
	VND	15.000.000.000	7,2% - 7,5%	14.957.027.721	- (e)
	VND	10.000.000.000	9,5%	8.162.514.743	- (f)
	VND		8,5%	237.504.000	237.504.000 (g)
				80.000.000.000	-
				308.926.371.887	134.155.900.146
	VND	-	8,5%	435.408.000	672.912.000 (g)
				309.361.779.887	134.828.812.146



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin về các tài sản đảm bảo, cầm cố thế chấp cho các khoản vay trên như sau:

- (a) và (f) Là các khoản vay tín chấp.
- (b) Khoản vay được bảo đảm một phần bằng Sổ tiết kiệm số 478600 ngày 15 tháng 01 năm 2015 và số 502805 ngày 10 tháng 06 năm 2015 của ông Nguyễn Xuân Giang – Tổng Giám Đốc Công ty với mệnh giá lần lượt là 90.000 USD (tương đương 1.970.000.000 VND) và 2.500.000.000 VND. Hạn mức còn lại được vay tín chấp – Xem thêm mục 7.
- (c) Khoản vay được bảo đảm một phần bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BB 245923 do Sở Tài nguyên & Môi trường Hải Phòng cấp ngày 06 tháng 04 năm 2010 – Xem thêm mục 4.8. Phần còn lại được vay tín chấp.
- (d) Khoản vay được bảo đảm một phần bằng Tài khoản tiền gửi số 0975000005196 kỳ hạn 12 tháng và Tài khoản tiền gửi số 0975000004676 kỳ hạn 12 tháng với số tiền lần lượt là 4.400.000.000 VND và 5.600.000.000 VND được mở tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội – Xem thêm mục 4.5
- (e) Khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Duyên Hải với số tiền 3.100.000.000 VND – Xem thêm mục 4.5. Và sổ tiết kiệm số 230940469 kỳ hạn 1 tháng với số tiền 86.700 USD thuộc sở hữu của ông Nguyễn Xuân Giang - Tổng Giám đốc Công ty – Xem thêm mục 7.
- (g) Khoản vay được đảm bảo bằng 2 xe ô tô đầu kéo biến kiểm soát lần lượt là 15C-229.71 và 15C-229.63, mục đích vay là thanh toán tiền mua xe đầu kéo – Xem thêm mục 4.7.

Trái phiếu thường được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Lãi suất	Giá trị	Lãi suất
Trái phiếu phát hành:				
Loại phát hành theo mệnh giá	80.000.000.000	7,5%/năm	-	-
		12 tháng		

Trái phiếu thường phát hành cho Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam vào ngày 02 tháng 06 năm 2017, được Công ty ký quỹ bảo lãnh thanh toán tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân với số tiền 37.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.5.

ĐẠI T
NHẬP
CÔNG
ĐỒ P
0134
// / SM
// /

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Trái phiếu chuyển đổi

- Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu năm và cuối kỳ như sau:
 - + Trái phiếu chuyển đổi của Công ty phát hành tại ngày 26 tháng 10 năm 2016 có thời hạn 2 năm kể từ ngày phát hành;
 - + Số lượng trái phiếu chuyển đổi: 720.000 trái phiếu;
 - + Mệnh giá: 100.000 VND;
 - + Lãi suất từng loại trái phiếu chuyển đổi: trái phiếu phát hành cho Công ty Misui Wharf Co., Ltd có lãi suất 8%/năm và trái phiếu phát hành cho Công ty TNHH MTV SCIC có lãi suất thả nổi được tính bằng lãi suất bình quân của các lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ giao động 2%; áp dụng trong kỳ kế toán này là 8,575%/năm;
 - + Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi: Tại thời điểm đáo hạn, mỗi trái phiếu sẽ được đổi thành 4 cổ phần;
 - + Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi là: 8,7%/năm;
 - + Giá trị phần nợ gốc tại thời điểm đầu năm là 71.414.473.044 VND và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi là 585.526.956 VND;
 - + Giá trị phần nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 71.736.270.293 VND và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi là 585.526.956 VND;

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Sở giao dịch 1 để bảo lãnh phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Công ty Mitsui Wharf với số tiền 20.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.5.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY
CỔ PHẦN
GIAO NHẬN
VẬN TẢI
NGOẠI THƯƠNG
HÀ NỘI

205
CÔNG TY
CỔ PHẦN
GIAO NHẬN
VẬN TẢI
NGOẠI THƯƠNG
HÀ NỘI
-TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Vốn chủ sở hữu****4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2016	85.852.900.000	2.379.300.000	-	(817.208.082)	45.624.243.551	133.039.235.469
Lãi trong năm	-	-	-	-	21.899.254.546	21.899.254.546
Tăng trong năm	-	-	585.526.956	-	-	585.526.956
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(4.336.177.513)	(4.336.177.513)
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	(8.529.890.000)	(8.529.890.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2016	-	-	-	-	(8.529.890.000)	(8.529.890.000)
Trích quỹ thù lao, thưởng HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(919.441.380)	(919.441.380)
Tại ngày 01/01/2017	85.852.900.000	2.379.300.000	585.526.956	(817.208.082)	45.208.099.204	133.208.618.078
Lãi trong năm	-	-	-	-	28.125.594.447	28.125.594.447
Tăng lãi năm trước do vốn hóa TSCĐ theo biên bản thanh tra Thuế	-	-	-	-	2.184.999.112	2.184.999.112
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.858.777.783)	(3.858.777.783)
Chia cổ tức đợt 2/2016	-	-	-	-	(8.529.890.000)	(8.529.890.000)
Tại ngày 31/12/2017	85.852.900.000	2.379.300.000	585.526.956	(817.208.082)	63.130.024.980	151.130.543.854

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Vinafreight	19.800.000.000	19.800.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans)	9.000.000.000	9.000.000.000
Các đối tượng khác	57.052.900.000	57.052.900.000
Cộng	85.852.900.000	85.852.900.000

4.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn góp đầu năm và cuối năm	85.852.900.000	85.852.900.000

4.14.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.585.290	8.585.290
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	8.585.290	8.585.290
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	8.585.290	8.585.290
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.529.890	8.529.890

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.14.5. Cổ tức

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Cổ tức đã trả trên mỗi cổ phần của cổ phiếu phổ thông	1.000	2.000

4.14.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2017	9.400.293.842	8.000.000.000
Trích trong năm	-	1.000.000.000
Tại ngày 31/12/2017	9.400.293.842	9.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	22.912.476.203	9.938.098.342
Lỗ chênh lệch tỷ giá	630.944.009	988.373.890
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	22.658.551	496.033.140
Chi phí tài chính khác	-	45.857.983
Cộng	23.566.078.763	11.468.363.355

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.698.390.366	6.826.413.203
Chi phí khấu hao	1.112.877.987	1.171.758.717
Chi phí dự phòng	324.149.277	(173.323.346)
Chi phí bằng tiền khác	20.348.226.787	15.538.533.029
Cộng	29.483.644.417	23.363.381.603

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân công	51.214.474.535	43.622.642.089
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.047.563.188	7.812.453.649
Chi phí dịch vụ mua ngoài	489.871.434.286	361.279.612.235
Dự phòng phải thu khó đòi	324.149.277	(173.323.346)
Chi phí khác bằng tiền	34.091.843.294	28.523.483.613
Cộng	583.549.464.580	441.064.868.240

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	35.184.141.085	24.881.097.858
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	226.957.602	78.025.917
Trừ: Cổ tức và lợi nhuận sau thuế được chia	(2.431.154.209)	(10.049.907.214)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	32.979.944.478	14.909.216.561
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	6.595.988.896	2.981.843.312
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	462.557.742	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.058.546.638	2.981.843.312

Các khoản điều chỉnh tăng là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như các khoản chi phí không có hóa đơn chứng từ hợp lý hợp lệ.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	539.931.308.905	344.852.006.965
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	80.000.000.000	-
Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	71.414.473.044
Cộng	619.931.308.905	416.266.480.009

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	445.398.341.164	297.378.703.252

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

- Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành
- HDQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty con
Nhân sự quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành		
Phải thu – Xem thêm mục 4.3	3.467.368	5.503.205
Trả trước – Xem thêm mục 4.4	19.103.272.164	20.012.108.530
Phải trả – Xem thêm mục 4.9	(5.854.182.646)	(11.223.586.566)
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tạm ứng:		
Ông Nguyễn Xuân Giang – Tổng Giám đốc	887.980.024	380.298.402
Ông Trần Công Thành – Phó Tổng Giám đốc	147.338.950	147.338.950
	Tổng cộng – Xem thêm mục 4.5	527.637.352

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành		
Cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 5.1	21.035.567.539	16.815.705.670
Mua dịch vụ	5.841.130.278	7.215.319.247

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, ông Nguyễn Xuân Giang – Tổng Giám đốc Công ty đã dùng Sổ tiết kiệm của mình số 478600 ngày 15 tháng 01 năm 2015 và số 502805 ngày 10 tháng 06 năm 2015 với mệnh giá lần lượt là 90.000 USD (tương đương 1.970.000.000 VND) và 2.500.000.000 VND để bảo đảm một phần cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt – CN Hải Phòng với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 60 tỷ VND – Xem thêm mục 4.12.

Ngoài ra, ông Nguyễn Xuân Giang cũng đã dùng Sổ tiết kiệm số 230940469 kỳ hạn 1 tháng với số tiền 86.700 USD để đảm bảo một phần cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – CN Duyên Hải với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 15 tỷ VND – Xem thêm mục 4.12.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao và thu nhập	1.476.666.672	1.453.333.340

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	347.033.243	88.888.885

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Vào ngày 15 tháng 01 năm 2018, Công ty đã nhận được Công văn số 349/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được hồ sơ đệ trình từ Công ty liên quan đến việc đăng ký phát hành 426.115 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 4,996% lượng cổ phiếu đang lưu hành theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên Công ty. Việc phát hành cổ phiếu này được thực hiện từ nguồn do cán bộ công nhân viên đóng và căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2017 ngày 15 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 082017 ngày 25 tháng 12 năm 2017.

Việc phát hành đã được hoàn thành vào ngày 30 tháng 01 năm 2018, với tổng số cổ phiếu được phát hành là 426.115 cổ phiếu và mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Vào ngày 06 tháng 02 năm 2018, Công ty đã nhận được Công văn số 937/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu này của Công ty. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký của Công ty tăng từ 85.852.900.000 VND lên 90.114.050.000 VND.



Nguyễn Xuân Giang
Tổng Giám đốc
 Thành phố Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập